

Bản án số: **54/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 02 - 7 - 2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Lệ Chi;

Ông Châu Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều T, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế C, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh Phạm Thế C tự nguyện kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau kết hôn về chung sống với mẹ chồng. Cuộc sống hạnh phúc được 2 con chung tên Phạm Bảo K, sinh ngày 08/4/2007 và Phạm Khang E, sinh ngày 28/01/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong mọi việc, chồng thường hay nhậu nhẹt và hành hung chị. Hơn nữa chị vừa làm dâu út vừa lo cất nhà nhưng khi cất nhà xong thì mẹ chồng lại sang tên cho em gái

chồng trong đó có phần công sức của hai vợ chồng chị cho nên mâu thuẫn bên chồng với chồng chị đối với chị gay gắt, không thể hàn gắn. Chị xét thấy hôn nhân với chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên chị Lê Thị Kiều T xin được ly hôn với anh Phạm Thế C.

Về con chung: có 02 người con chung tên Phạm Bảo K, sinh ngày 08/4/2007 và Phạm Khang E, sinh ngày 28/01/2012. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu chị nuôi cháu Phạm Khang E và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh C nuôi cháu Phạm Bảo K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Tại phiên tòa chị T trình bày: Về hôn nhân chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh C do trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, trước đó anh C có hứa sửa đổi nhưng được 1 thời gian thì vẫn như trước, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C, chị và anh C đã không còn chung sống với nhau từ khi khởi kiện đến nay. Về con chung: anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên hiện nay chị chưa có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên chị giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng và chị thăm nom con chung không ai được cản trở. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2019 bị đơn anh Phạm Thế C trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp do mẹ ruột nhận nhưng do bận công việc nên không tham gia được. Đối với yêu cầu của chị T anh không đồng ý ly hôn. Con chung hiện đang sống với anh. Anh đồng ý nuôi dưỡng Phạm Bảo K và giao Phạm Khang E cho vợ nuôi dưỡng anh không đồng ý cấp dưỡng. Nếu chị T không nuôi được thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

- Tại phiên tòa, anh C trình bày: Về mâu thuẫn giữa anh với gia đình anh chị T và chị T theo chị T nêu là đúng, quá trình cãi nhau anh có đánh vợ do nóng giận, tuy nhiên anh mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chung sống chăm lo cho con chung nên chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị T giao hai con chung cho anh nuôi anh đồng ý, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 56, 57, 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn. Về con chung: giao hai con chung tên Phạm Bảo K sinh năm: 2007 và Phạm Khang E, sinh năm 2012 cho anh C tiếp tục nuôi, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác định không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lê Thị Kiều T và anh Phạm Thế C được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Kiều T và anh Phạm Thế C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Kiều T và anh Phạm Thế C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Lê Thị Kiều T và anh Phạm Thế C xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, chị Lê Thị Kiều T yêu cầu ly hôn, anh Phạm Thế C không đồng ý ly hôn. Xét thấy khi mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra, chị T và anh C không thể hòa giải dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau và anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng hiệu quả, quá trình chung sống anh C có hành vi đánh vợ đây là hành vi bạo lực gia đình. Tại phiên tòa, chị Lê Thị Kiều T xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh C và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thế C, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục và có hành vi bạo lực gia đình nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung tên Phạm Bảo K và Phạm Khang E, hiện do anh C nuôi và đều có nguyện vọng sống với anh C sau khi anh C và chị T ly hôn, anh C đồng ý nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T hiện chưa có thu nhập ổn định, các con chung đều có nguyện vọng sống với anh C, từ khi mâu thuẫn xảy ra anh C là người trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con chung, để tránh thay đổi tâm sinh lý của con khi thay đổi môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của con chung và tại phiên tòa chị T đồng ý giao hai con chung cho anh C nuôi nên giao con chung tên Phạm Bảo K, sinh ngày 08/4/2007 và Phạm Khang E sinh ngày 28/01/2012 cho anh Phạm Thế C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Chị Lê Thị Kiều T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp

dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Phạm Thế C.

- Về con chung: tên Phạm Bảo K, sinh ngày 08/4/2007 và Phạm Khang E, sinh ngày 28/01/2012 giao cho anh Phạm Thế C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Lê Thị Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng, chị Lê Thị Kiều T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004327 ngày 18/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Lê Thị Kiều T đã nộp xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng